

Tăng cường đào tạo kĩ năng thực hành pháp luật cho sinh viên các trường đại học ở Việt Nam

Phạm Thanh Nga

Hội Luật quốc tế Việt Nam
69 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Email: pham.nga.hlu@gmail.com

TÓM TẮT: Trong thời gian gần đây, với xu thế mở cửa và hội nhập sâu rộng với thế giới cùng với việc thực hiện nghiêm túc chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền, việc giáo dục pháp luật cho sinh viên không chỉ sinh viên ngành Luật mà mọi sinh viên được đẩy mạnh hơn bao giờ hết ở các trường đại học của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế các doanh nghiệp nói riêng và người sử dụng lao động nói chung vẫn phải tiến hành đào tạo lại kĩ năng cho sinh viên mới tốt nghiệp được nhận vào làm. Vì vậy, việc đào tạo kĩ năng thực hành pháp luật cho sinh viên Việt Nam ngay từ khi còn học ở các trường đại học là hết sức cần thiết. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả phân tích và đưa ra những gợi mở một vài phương pháp đào tạo kĩ năng thực hành pháp luật cho sinh viên hiện nay trên thế giới có thể áp dụng ở Việt Nam.

TỪ KHÓA: Đào tạo; kĩ năng; thực hành pháp luật; sinh viên.

→ Nhận bài 10/3/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/3/2021 → Duyệt đăng 10/5/2021.

1. Đặt vấn đề

Do nhu cầu thực tế, việc sử dụng lao động đã qua đào tạo trong ngành Luật để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền nên trong những năm gần đây [1], có rất nhiều trường đại học (ĐH) ở Việt Nam mở thêm ngành đào tạo, thành lập khoa Luật để đào tạo cử nhân Luật. Để khắc phục những nhược điểm trước đây như các cử nhân Luật ra trường chưa thể sử dụng được ngay mà cần phải đào tạo lại, bổ sung thêm kiến thức và nhiều kĩ năng làm việc mới có thể đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo Luật hiện nay đã cố gắng đưa thêm nhiều môn học mới, thay đổi phương pháp đào tạo, gắn lí thuyết với thực hành, kết hợp đào tạo thêm kĩ năng thực hành pháp luật cho sinh viên (SV). Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn có nhiều vấn đề cần phải bàn thêm. Trong bài viết này, tác giả phân tích và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hơn nữa kĩ năng thực hành pháp luật cho các cử nhân Luật sau khi tốt nghiệp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng đào tạo kĩ năng thực hành pháp luật ở các trường đại học Việt Nam

Nhiều năm qua, ở Việt Nam, vì nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, kể từ khi Trường ĐH Luật đầu tiên của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thành lập năm 1979 là Trường ĐH Pháp lí Hà Nội, nay là ĐH Luật Hà Nội, (sau này thành lập thêm Trường ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh ở phía Nam và nhiều khoa Luật thuộc các ĐH ở khắp các tỉnh thành trong toàn quốc như Khoa Luật Trường ĐH Ngoại thương, Khoa Luật của Học viện Ngân hàng, Khoa Luật của Học viện Phụ nữ, Khoa Luật của ĐH Tài chính và Ngân hàng Hà

Nội, ...). Các cơ sở đào tạo Luật ở Việt Nam hầu như chỉ tập trung vào giảng dạy Luật với những lí luận đôi khi là giáo điều và giảng viên thường phân tích, giảng giải cho SV hiểu các điều luật thành văn. Rất ít vụ việc thực tế và các bản án được đưa vào nội dung giảng dạy hoặc nếu có đưa ra thì thường chỉ là một vài tình tiết nhỏ thiếu tính hệ thống.

Một trong các nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là việc trong một thời gian dài các tòa án nhân dân vẫn lưu giữ và coi các bản án như tài liệu mật, không công bố và chỉ những người có liên quan được biết. Vì vậy, các giảng viên Luật rất khó để có thể tiếp cận được nội dung đầy đủ các bản án cũng như hồ sơ vụ án nên việc giảng dạy chủ yếu mang tính lí thuyết, thiếu tính thực tiễn là phổ biến. Phương pháp giảng dạy chủ đạo vẫn là thuyết giảng. Thầy giảng, trò nghe và ghi chép mặc dù nhiều môn Luật có khối lượng khá lớn các bản án có thể đưa vào nghiên cứu và giảng dạy như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Lao động hay Luật Hôn nhân Gia đình ...

Năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-NQ/TW về Cải cách tư pháp [2]. Một trong những nội dung quan trọng nhất của Nghị quyết này là đã khẳng định: “*Từng bước thực hiện việc công khai hóa các bản án, trừ những bản án hình sự về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục.*” Gần đây, việc lựa chọn phát triển án lệ và công bố án lệ đã lần đầu tiên được quy định trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) năm 2014 [3]. Nhưng cho đến vài năm gần đây, việc tiếp cận một cách đầy đủ và toàn diện các bản án, quyết định của Tòa án vẫn không phải là một việc dễ dàng. Gần đây, tình hình sử dụng bản án trong công tác đào tạo Luật và nghiên cứu khoa học đã

có những tín hiệu lạc quan khi mà Tòa án nhân dân tối cao bắt đầu tuyển chọn và phát hành ra công chúng một số quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm, khi mà có nhiều bài bình luận án trong Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Khoa học Pháp lý và một số tạp chí chuyên ngành khác và có sự xuất hiện của một số cuốn sách bình luận án.

Việc công bố các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật là việc làm hữu ích không những cho công tác nghiên cứu, đào tạo luật mà còn rất hữu ích cho những người hành nghề Luật, các luật sư, luật gia, thẩm phán, kiểm sát viên, cán bộ tòa án và viện kiểm sát. Việc công bố các bản án còn giúp cho người dân và doanh nghiệp hiểu biết thêm về pháp luật và có thể dự đoán trước kết quả giải quyết các vụ việc tương tự phát sinh.

Việc nghiên cứu và đưa bản án vào nội dung giảng dạy đã được các trường ĐH Luật chú trọng hơn trong những năm gần đây. Một số cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam đã tiến hành việc xây dựng hệ thống sách tình huống, sách bình luận án bên cạnh hệ thống giáo trình, tập bài giảng đã biên soạn [4], [5], [6]. Song, một trong những khác biệt và thách thức của đào tạo Luật ở Việt Nam so với các nước phát triển là hàng năm các trường Luật ở Việt Nam, đặc biệt là các Khoa Luật thuộc trường ĐH đa ngành đã và đang tuyển sinh đào tạo hàng ngàn cử nhân Luật, thạc sĩ Luật với điều kiện quá dễ dàng... tạo cảm giác như ai cũng có thể học ĐH Luật, không học chính quy thì học vừa làm vừa học, học từ xa...; khác xa với con số tuyển sinh chỉ hơn trăm SV hàng năm của các Khoa Luật ở các nước phát triển. Vì thế, việc nâng cao chất lượng đào tạo Luật ở Việt Nam đang đối mặt với những thách thức quá lớn do chất lượng đầu vào thấp và ý thức thái độ của người học chưa cao, trong khi chất lượng giảng viên nhìn chung còn hạn chế, phương pháp giảng dạy lạc hậu và cơ sở vật chất còn thiếu thốn.

2.2. Một số phương pháp đào tạo kĩ năng thực hành pháp luật cho cử nhân Luật

2.2.1. Sử dụng án lệ và quyết định của Tòa án trong việc giảng dạy Luật cho sinh viên

Thực hiện quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” của Bộ Chính trị về phát triển án lệ tại Việt Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2012 Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Quyết định số 74/QĐ-TANDTC phê duyệt Đề án “Phát triển án lệ của Tòa án nhân dân tối cao” trong đó đề cập nhiều vấn đề căn bản về án lệ như mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng và các giải pháp. Thể chế hóa quan điểm trên trong các Nghị quyết của Đảng, khoản 3 Điều 104 Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Tòa án nhân dân tối cao thực hiện việc tổng

kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử”. Tại khoản 3 Điều 20 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định cụ thể hơn nhiệm vụ này của Tòa án nhân dân, trong đó nhấn mạnh Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ, quyền hạn: “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng thống nhất trong xét xử”. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng, có ý nghĩa cho việc xây dựng, phát triển và áp dụng án lệ trong hoạt động xét xử của các cơ quan Tòa án trong thời gian tới mà hoạt động đào tạo nghề Luật cần đón đầu.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, nhiều quan hệ xã hội mới phát sinh chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc có điều chỉnh nhưng chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc có xung đột pháp luật. Trong quá trình xét xử trên phạm vi toàn quốc, Tòa án nhân dân các cấp tham khảo quyết định của Tòa chuyên trách, quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao qua việc hệ thống tuyển tập các quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được phát hành đến Tòa án nhân dân các cấp. Các quyết định này là nguồn tham khảo nhằm hướng dẫn cho các Thẩm phán khi xét xử các vụ án tương tự trên thực tế, góp phần khắc phục những lỗ hổng của pháp luật một cách nhanh chóng, kịp thời, tạo ra sự bình đẳng trong việc xét xử các vụ án giống nhau. Đây cũng là hình thức giải thích các quy định chưa rõ của pháp luật, tăng cường giáo dục pháp luật, tạo niềm tin cho người dân về tính minh bạch, công khai, bảo đảm sự thống nhất trong đường lối xét xử của hệ thống Tòa án.

Việc sử dụng bản án, quyết định của Tòa án trong đào tạo nghề Luật có vai trò quan trọng trong công tác đào tạo ứng dụng, gắn kết công tác giảng dạy, học tập nghề với thực tiễn xét xử. Điều này một mặt sẽ khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tư duy bình luận án, mặt khác góp phần tăng cường thói quen nghiên cứu, cập nhật thực tiễn pháp lý của giảng viên và học viên. Học viên sẽ không bỡ ngỡ, lúng túng trong thực tiễn hành nghề vì họ đã được đào tạo kĩ năng áp dụng, vận dụng, tham khảo các bản án, quyết định của Tòa án.

Với hoạt động giảng dạy, việc biến bản án, quyết định của Tòa án trở thành một học liệu quan trọng sẽ phát huy hiệu quả của phương pháp giảng dạy tích cực. Các bản án, quyết định có thể đóng vai trò như những bài tập tình huống điển hình giúp SV hiểu được cách thức vận dụng, áp dụng pháp luật cũng như những kiến thức lý thuyết về pháp luật trong những tình huống cụ thể. Ngoài ra, việc nghiên cứu, phân tích những án lệ cũng giúp cho SV rèn luyện những kĩ năng tư duy phản biện, tư duy pháp lý hiệu quả hơn là những ví dụ do giảng

viên xây dựng mang tính giả định.

Phương pháp giảng dạy bằng vụ việc (trong tiếng Anh được gọi là case method) là một phương pháp được phát triển từ khá lâu đời ở những quốc gia tiên bộ như Hoa Kỳ, EU và một số quốc gia khác. Trong lĩnh vực pháp luật, phương pháp này được hình thành từ những năm 1870, do Giáo sư Christopher Langdell khởi xướng việc thay đổi phương pháp giảng dạy từ cổ điển (chủ yếu là diễn giảng học thuyết, còn thực hành là nhiệm vụ của người học) sang phương pháp giảng dạy bằng vụ việc khi giáo sư về công tác tại Khoa Luật Trường ĐH Havard (Hoa Kỳ).

Phương pháp giảng dạy bằng vụ việc gần đây được nhiều thành công đã được chứng minh trong đào tạo pháp luật. Từ năm 1920, phương pháp giảng dạy Luật bằng tình huống đã trở thành phương pháp giảng dạy chiếm ưu thế tại ĐH Havard. Các trường ĐH Luật khác của Hoa Kỳ cũng học hỏi việc sử dụng phương pháp này. Hiện nay, phương pháp tình huống là phương pháp giảng dạy Luật chính yếu ở Hoa Kỳ, Anh, Canada, Australia, New Zealand, Singapore ... Bên cạnh đó, phương pháp này còn được phát triển ở những quốc gia theo truyền thống pháp luật Châu Âu. Điều này được thể hiện bởi việc xây dựng những sách vụ việc (casebooks) - phương tiện chính để phục vụ cho phương pháp giảng dạy này như sách vụ việc về luật chung của Châu Âu (Ius Commune Casebooks) và ấn phẩm sách vụ việc về tư pháp quốc tế (Casebook on Conflict Law) cũng được các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu tiến hành.

Với đặc trưng là sử dụng bản án trong việc giảng dạy và đào tạo Luật, nên một trong những điểm ưu việt của phương pháp giảng dạy tình huống là đánh giá và thu hẹp khoảng cách giữa lý luận với thực tiễn và ngược lại. Ngoài ra, việc áp dụng phương pháp giảng dạy tình huống giúp các SV phát triển được khả năng đọc và phân tích các vụ việc - những kỹ năng cần thiết của luật sư, của người có chuyên môn về pháp luật. SV học cách phân tích vụ việc theo các yếu tố như sau: các tình tiết tranh luận, vấn đề pháp lý mà tòa án phải giải quyết, các cơ sở để tòa án đưa ra phán quyết và những lý do giải thích cho quyết định của tòa án. Dựa vào các bản án, vụ việc đã được tòa án giải quyết, các SV phân tích và tìm ra những nguyên tắc, quy phạm pháp luật nào đó đã được áp dụng và cách thức tòa án áp dụng những nguyên tắc, quy phạm đó. Trong nghề Luật, đây chính là cơ sở nền tảng để các thẩm phán đưa ra bản án. Theo đó, SV cũng cố được kiến thức - cốt lõi của các nguyên tắc pháp lý qua chính những vụ việc đã được tòa án giải quyết và có khả năng vận dụng được những nguyên tắc pháp lý đó trong những tình huống khác nhau và từ đó, SV học hỏi và thực hành cách “tư duy giống như một luật sư”.

2.2.2. Sử dụng phương pháp diễn án - Moot court

Thuật ngữ “Phiên tòa giả định” (“moot court” hay

“mooting”) được sử dụng phổ biến tại các trường Luật trên thế giới như một hình thức hoạt động nghiên cứu và thực hành pháp lý của SV các trường Luật, trong đó các SV đóng vai luật sư của các bên trong một vụ việc giả định, tranh luận về nội dung của vụ việc đó trước các thẩm phán của tòa giả định. Tại phiên tòa giả định, SV không phải chỉ hiểu và trình bày các quy định pháp luật, nguyên tắc và học thuyết pháp lý mà còn phải biết cách diễn giải và thuyết phục thẩm phán về các lập luận của mình [7].

Moot court được bắt nguồn từ thuật ngữ “moot” hay “emoot” trong tiếng Anh cổ có nghĩa là cuộc họp của những người hiểu biết của địa phương để thảo luận về các vấn đề quan trọng của địa phương. Trong giai đoạn thế kỷ XVIII, SV các trường Luật của Anh đã sử dụng từ “mooting” để chỉ hoạt động tranh luận học thuật mà trong đó SV bắt chước các luật sư giải quyết các vấn đề tranh cãi trong cộng đồng địa phương. Cuối thế kỷ XIX, khi các cơ sở đào tạo Luật được hình thành tại Mỹ, khái niệm phiên tòa giả định bắt đầu được sử dụng rộng rãi như một hình thức trao đổi học thuật của SV liên quan tới những vấn đề pháp lý giả định.

Nhờ những hiệu quả cũng như lợi ích SV có được qua hình thức phiên tòa giả định như bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực pháp luật liên quan, đồng thời hình thành nhiều kỹ năng mềm quan trọng mà trong vòng ba thập niên trở lại đây, hình thức giảng dạy luật thông qua phiên tòa giả định đã được áp dụng phổ biến tại rất nhiều trường ĐH trên khắp thế giới. Từ những trường ĐH hàng đầu thế giới như Harvard Law School, King’s College London, Columbia University, Berlin University, ... cho đến những trường ĐH nổi tiếng trong khu vực: Hong Kong University, National University of Singapore, Malay National University, ... Từ đó, hình thành nên các cuộc thi phiên tòa giả định về các lĩnh vực Luật Thương mại quốc tế, Luật Hình sự quốc tế, Luật Môi trường, Luật Nhân đạo quốc tế, nhân quyền, ... nhận được sự ủng hộ đông đảo của cộng đồng SV quốc tế.

Tại Việt Nam, trong những năm qua, đã có một số trường như Trường ĐH Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Luật Hà Nội, Học viện Ngoại giao quan tâm tới hoạt động này và đã cử đội tuyển SV tham gia các cuộc thi phiên tòa giả định quốc tế và đạt được một số thành tựu nhất định. Mặc dù kết quả chưa thực sự cao, việc áp dụng moot-court còn hạn chế nhưng những điều trên là một tín hiệu đáng mừng cho SV ngành Luật nói chung.

2.2.3. Sử dụng phương pháp diễn vai - Role play

Phương pháp diễn vai (Role play) là việc cho SV tham gia diễn những kịch bản giả định liên quan đến một tình huống pháp luật cụ thể. Trước đây, phương

pháp này chủ yếu được sử dụng ở các cơ sở đào tạo thực hành pháp luật như Học viện Tư pháp khi đào tạo luật sư, thẩm phán hay kiểm sát viên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, các trường đào tạo cử nhân luật cũng đã bắt đầu áp dụng để đào tạo kỹ năng cho SV khi áp dụng pháp luật. Để có thể tiến hành phương pháp này, cần chuẩn bị những bước sau [7]:

Bước 1: Tạo tình huống kịch: Đầu tiên, giảng viên cần chọn tình huống cho một đoạn kịch bất kì. Điều quan trọng là phải dựa trên nhu cầu và sở thích của SV và đem lại cho họ cơ hội luyện tập những gì được học trên lớp. Bên cạnh đó, vở kịch đó cũng cần hấp dẫn để thu hút các SV. Để SV tự lựa chọn tình huống cho mình cũng là một cách hay. SV có thể tự nghĩ ra những đề tài mà chúng thấy quan tâm hoặc được lựa chọn đề tài tương tự một loạt các tình huống cho trước. Những tình huống đó có thể xuất phát từ những tình huống trong cuộc sống đời thường, từ nội dung một cuốn sách hoặc một bộ phim ...

Bước 2: Phát triển nội dung: Trên bối cảnh của vở kịch, SV cần phải đưa ra những ý tưởng để phát triển tình huống của câu chuyện. Tuy nhiên, lời thoại như thế nào còn tùy vào khả năng và kiến thức của SV. Giảng viên có thể đơn giản hóa cho phù hợp. Như vậy, SV bắt buộc phải nói. Để phát triển các mâu thuẫn và xung đột thì giảng viên hãy biến hóa những lời thoại trong kịch bản. Một khi xuất hiện những tình huống gay gắt thì vở kịch trở nên thú vị hơn rất nhiều.

Bước 3: Chuẩn bị lời thoại: Giảng viên sẽ phải phân công nhóm SV chuẩn bị lời thoại cho phù hợp với nội dung kịch bản của từng nhân vật. Lưu ý SV sử dụng đúng ngôn ngữ, đặc biệt là các thuật ngữ chuyên ngành Luật.

Bước 4: Chuẩn bị thông tin: Các SV cần được cung cấp đầy đủ thông tin về vở kịch đặc biệt là những đoạn mô tả vai để chúng có thể yên tâm đảm nhận vai của mình. Việc mô tả vai một cách kĩ càng giúp SV phân biệt được các nhân vật, nên dùng ngôi thứ hai hơn là ngôi thứ ba. Nếu một vai có gặp rắc rối nào đó, giảng viên hãy chỉ mô tả vấn đề và để tự SV tìm cách giải quyết.

Bước 5: Phân vai: Giảng viên có thể yêu cầu cả lớp xung phong đóng kịch trước lớp nhưng thông thường là nên phân vai từ trước cho mỗi SV. Giảng viên cũng có thể giao việc đóng vai như một bài tập về nhà. SV sẽ tìm hiểu trước và chuẩn bị lời thoại và sau đó cùng nhau diễn kịch trong giờ học tiếp theo.

Một lớp có thể được phân ra thành một hoặc một vài nhóm diễn kịch. Nếu cả lớp là một nhóm thì cần phải giữ lại một số vai phụ mà bình thường có thể không dùng đến nếu trong lớp có ít người hơn dự tính. Nếu trong kịch bản có quá ít vai thì có thể giao 1 vai cho 2 học viên. Nếu lớp được chia thành vài nhóm diễn kịch, thì giáo viên khi quyết định phân vai phải cân nhắc đến khả năng và tính cách của từng SV.

Tóm lại, sự tương tác đạt hiệu quả tối ưu khi giảng

viên để cho SV làm việc trong cùng nhóm với bạn của mình. Dù có tham gia vào phần diễn kịch hay không thì vai trò của giảng viên cũng hết sức quan trọng. Họ phải là người lắng nghe và lưu ý những lỗi mà SV mắc phải có thể là về các kiến thức pháp lí, kĩ năng và cách áp dụng pháp luật, ngôn ngữ ngành luật, ... Đây sẽ tư liệu để giảng viên tham khảo và chuẩn bị những bài luyện tập lần sau. Một điều quan trọng nữa là giảng viên không nên cắt ngang câu chuyện bằng việc sửa lỗi để tránh tình trạng làm SV mất hứng.

Bước 6: Kết thúc: Khi phần đóng kịch đã hoàn thành, một chút thời gian để tóm tắt lại nội dung câu chuyện cũng vô cùng bổ ích. Điều này không có nghĩa là chỉ ra lỗi sai và sửa. Sau vở kịch, SV sẽ hài lòng với chính bản thân chúng, chúng cảm thấy rằng, kiến thức pháp luật của mình đã được sử dụng vào một công việc khá phức tạp và hữu ích. Ngoài ra, giảng viên cũng có thể hỏi ý kiến của các SV về vở kịch và khuyến khích những ý kiến đóng góp. Mục đích ở đây là để thảo luận những diễn biến của vở kịch và ôn lại những vấn đề chúng đã từng học. Cùng với việc thảo luận nhóm, giảng viên có thể phát phiếu câu hỏi để đánh giá hiệu quả.

Tóm lại, đóng kịch là một phương pháp khá hay trong việc đào tạo các cử nhân Luật tại các trường ĐH. Vở kịch càng thú vị càng lôi kéo được nhiều SV tham gia. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc các giảng viên có thể xây dựng trong SV niềm yêu thích học tập môn Luật, từ đó đạt được kết quả cao hơn trong quá trình giảng dạy và học tập các kiến thức pháp luật.

2.2.4. Cho sinh viên đi thực tế - Field trip

Trong từ điển Cambridge đã định nghĩa “*Field trip is a visit made by students to study something away from their school or college*” có nghĩa là tham quan học tập trải nghiệm là một chuyến đi do các SV thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu sự việc ở ngoài môi trường học tập (trường ĐH) [7].

Một chuyến tham quan thực tế luôn được tổ chức với mục đích giáo dục trong không khí thư giãn, khám phá. Tham quan học hỏi nghĩa là sẽ không chỉ có đi thăm quan các địa danh mà đồng thời còn được gặp gỡ những chuyên gia, ghé thăm những trụ sở liên quan đến ngành học. Giảng viên và các trường sẽ tổ chức cho SV được tham quan một nơi chốn nào đó như đến tòa án để tham dự một phiên xét xử, hay đến một văn phòng Luật để xem cách vận hành một văn phòng Luật, không gian luật sư làm việc, tìm hiểu công việc hàng ngày của luật sư, hay cho SV thăm quan khu vực hành chính công như phòng đăng kí kinh doanh của một sở kế hoạch đầu tư hay thăm quan một nhà máy để đánh giá việc tuân thủ pháp luật về an toàn lao động, tổ chức công đoàn, ... Phương pháp học tập này sẽ giúp cho SV Luật có những trải nghiệm thực tế về xã hội, hiểu được môi trường làm công việc trong tương lai hay các bài học

về thực tế áp dụng pháp luật trong đời sống hàng ngày. Việc học tập trực quan như vậy sẽ giúp SV luật hiểu và nắm vững kiến thức nhanh hơn.

2.2.5. Hội thảo (Seminars)

Điểm mạnh của các buổi hội thảo tại các trường ĐH là sự góp mặt của các tên tuổi trong ngành Luật, có khi là một giảng viên, các học giả là các giáo sư có uy tín đến từ một trường ĐH khác, có khi là một luật sư, doanh nhân nổi tiếng hay một thẩm phán, kiểm sát viên nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong việc áp dụng pháp luật [7]. Ở các chương trình đào tạo tiến sĩ, các nghiên cứu sinh cũng sẽ thường xuyên dự các hội thảo khoa học cấp trường, quốc gia hay quốc tế để lắng nghe các công trình nghiên cứu khoa học của những người đi trước.

Ở các buổi hội thảo, đôi khi các SV được chia thành những nhóm nhỏ để trao đổi suy nghĩ của mình. Đôi khi, cuối buổi hội thảo, mỗi nhóm phải cử một đại diện lên thay mặt cho cả nhóm để thuyết trình. Phương pháp này rất tốt cho SV ngành Luật, giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng nghiên cứu khoa học, viết báo cáo, phân tích, ... Hơn

hết là kỹ năng áp dụng và vận dụng những kiến thức đã học cũng như các quy định của pháp luật vào những tình huống cụ thể.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng, bên cạnh những phương pháp dạy học truyền thống, các trường ĐH và cơ sở đào tạo pháp luật cần kết hợp các phương pháp giảng dạy mới, hiện đại, gắn liền với thực tế, tạo cơ hội cho SV có thể vận dụng và áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học vào việc giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tế. Bên cạnh việc thuyết giảng trên giảng đường, giảng viên có thể cho SV đi tham quan thực tế các cơ sở thực hành pháp luật, tham gia diễn án, đóng vai trong những tình huống pháp luật cụ thể để giải quyết những vấn đề pháp lý liên quan bằng việc vận dụng và áp dụng những kiến thức và kỹ năng pháp luật đã được học. Có như vậy, khi tốt nghiệp, tham gia làm việc tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, các em không bị bỡ ngỡ. Người sử dụng lao động không phải mất nhiều thời gian, công sức và chi phí để đào tạo lại nhân lực ngành Luật.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội, (28/11/2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*.
- [2] Bộ Chính trị, (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 về phát triển án lệ tại Việt Nam*.
- [3] Quốc hội, (2015), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi)*.
- [4] Đỗ Thị Mai Hạnh, (4/2015), *Sử dụng bản án trong giảng dạy pháp luật phần lý thuyết - Kinh nghiệm qua một trường hợp ở Anh*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 89, tr.74-80.
- [5] Nguyễn Minh Hằng, (4/2015), *Kinh nghiệm về sử dụng bản án, quyết định của Tòa án trong đào tạo nghề luật*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 89, tr.26-31.
- [6] Trương Nhật Quang, (4/2015), *Sử dụng bản án trong giảng dạy: Góc nhìn từ người làm thực tiễn*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 89, tr.20-25.
- [7] Ngân hàng phát triển Châu Á ADB, (2015), *Tài liệu tập huấn giảng viên TTT*.
- [8] Lê Tiến Châu (4/2005), *Thực trạng đào tạo cử nhân luật ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý.
- [9] Pierre Macqueron, (4/2015), *Việc sử dụng quyết định của Tòa án trong hoạt động nghiên cứu và giảng dạy tại Cộng hòa Pháp*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 89, tr.68-73.
- [10] Nguyễn Văn Đại - Đinh Ngọc Thắng, (2020), *Tư duy về đào tạo cử nhân luật: Tư duy và tiếp tục đổi mới*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, số 49, tr.32-43

DEVELOPING LAW PRACTICE SKILLS FOR UNIVERSITY STUDENTS IN VIETNAM

Pham Thanh Nga

Vietnam Society of International Law
69 Chua Lang, Dong Da, Hanoi, Vietnam
Email: pham.nga.hlu@gmail.com

ABSTRACT: *Learning motivation has a positive effect on students' participation in the learning space, and educators can apply this approach in curriculum design to improve the quality and to distribute the courses. The internal, external motivations and related values will influence the goals that students desire to achieve after the course. This article will examine the self-regulation for learning motivation of students who can actively search for reference resources according to the course program to improve their learning outcomes. It makes sense that students are given the opportunity to use technology devices, or encouraged to use their own initiatives to self-adjust their motivations in learning and find information to support their learning process.*

KEYWORDS: Training; practical skills; law practice; students.